TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHỢ MỚI** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2018/HNGĐ-ST.
Ngày: 06/02/2018.
V/v tranh chấp ***"Ly hôn"***

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa*: Ông Lại Hiệp Phong.

- *Các Hội thẩm nhân dân*: Ông Tôn Phước Thuận.

Bà Hoàng Thị Thiện Lai.

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Trần Thị Kim Trang, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa*: Ông Tôn Văn Xuyên – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 02 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 551/2017/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 10 năm 2017 về việc tranh chấp "Ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 224/2017/QĐST-HNGĐ ngày 25 tháng 12 năm 2017, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Mai Thị Ngọc K, sinh năm 1972; (có mặt).

Cư trú: Ấp K, xã K, huyện C, tỉnh An Giang.

Bị đơn: Ông Trần Tấn L, sinh năm 1970; (vắng mặt).

Cư trú: Ấp N, xã N, huyện C, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, tờ tự khai và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Mai Thị Ngọc K trình bày:

Về hôn nhân: Bà và ông L đám cưới và chung sống với nhau vào năm 1986 nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Hôn nhân do mai mối và được cha mẹ hai bên quyết định cho tiến tới hôn nhân. Thời gian chung sống, vợ chồng không hạnh phúc, lý do ông L thường xuyên ăn nhậu rồi về kiếm chuyện, đánh đập bà nhưng vì con cái bà chịu đựng để gia đình êm ấm. Đến năm 2012, thì ông L có người phụ nữ khác bên ngoài và hiện nay ông L vẫn còn sống chung với người phụ nữ đó. Vợ chồng không còn sống chung khoảng

02 năm nay và cũng không có tới lui thăm hỏi nhau. Nay, nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn và vợ chồng không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa. Vì vậy, bà yêu cầu được ly hôn với ông Trần Tấn L.

Về con chung: Vợ chồng có 03 (ba) con chung tên Trần Ngọc H, sinh ngày 05 tháng 9 năm 1987, Trần Văn T, sinh ngày 10 tháng 11 năm 1989; Trần Thị Hương L, sinh ngày 15 tháng 02 năm 1992. Hiện nay, con chung đã thành niên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Bị đơn ông Trần Tấn L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án nên không ghi nhận được ý kiến và không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa: Bà K vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng với quy định của pháp luật.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Chị K và anh L cưới nhau vào năm 1986, tại thời điểm này, chị K và anh L không đủ tuổi để kết hôn. Hiện tại, anh chị không đăng ký kết hôn nên hôn nhân của anh chị không được pháp luật thừa nhận. Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn. Theo chị K nguyên nhân do anh L thường xuyên đi nhậu về nhà kiếm chuyện đánh chị và anh L đã có người phụ nữ khác. Chị K và anh L ly thân từ năm 2015 đến nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, thời gian ly thân đã lâu, anh L không có thiện chí hàn gắn, nên chị K yêu cầu xin ly hôn với ông L. Do chị K và anh L không đăng ký kết hôn nên căn cứ vào Điều 14, 53, Luật Hôn nhân và gia đình, không công nhận chị K và anh L là vợ chồng.

- Về con chung: Vợ chồng có 03 (ba) con chung tên Trần Ngọc H, sinh ngày 05 tháng 9 năm 1987, Trần Văn T, sinh ngày 10 tháng 11 năm 1989; Trần Thị Hương L, sinh ngày 15 tháng 02 năm 1992. Hiện nay, con chung đã thành niên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung : Không có, nên không đề cập giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, nên không đề cập giải quyết

Từ phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng: Bà K khởi kiện ông L, ông L có nơi cư trú ấp N, xã N, huyện C, tỉnh An Giang, Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới thụ lý giải quyết là đúng theo quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Ông Trần Tấn L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung:

[1]. Về hôn nhân: Bà K và ông L đám cưới và chung sống với nhau vào năm 1986, tại thời điểm này bà K và ông L chưa đủ tuổi kết hôn. Tuy nhiên, họ đã sống chung với nhau như vợ chồng từ trước ngày 03/01/1987 và đã có 03 con chung nên thuộc trường hợp "đang có vợ, có chồng" theo hướng dẫn của Nghị quyết 02/2000/NQ- HĐTP ngày 23/12/2000 nên hôn nhân giữa ông bà là hợp pháp được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Bà K xác định, thời gian vợ chồng sống chung không hạnh phúc, lý do ông L thường xuyên ăn nhậu rồi về kiếm chuyện, đánh đập bà nhưng vì con cái bà chịu đựng để gia đình êm ấm. Đến năm 2012, thì ông L có người phụ nữ khác bên ngoài và hiện nay ông L vẫn còn sống chung với người phụ nữ đó. Vợ chồng không còn sống chung khoảng 02 năm nay và cũng không có tới lui thăm hỏi nhau. Xét thấy, bà K và ông L không còn sống chung khoảng 02 năm nay nên vợ chồng không thể thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau, không quan tâm lẫn nhau. Ông L biết việc bà K khởi kiện ly hôn nhưng ông vẫn không có ý kiến và cũng không có mặt theo các triệu tập của Tòa án. Từ đó, thấy rằng ông không quan tâm đến mối quan hệ vợ chồng, bỏ mặc bà K muốn làm gì thì làm đủ để thấy giữa hai người không còn tình nghĩa vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Tại phiên tòa, bà K xác định tình cảm vợ chồng không còn, vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà K là phù hợp.

[2]. Về con chung: Bà K xác định vợ chồng có 03 (ba) con chung tên Trần Ngọc H, sinh ngày 05 tháng 9 năm 1987, Trần Văn T, sinh ngày 10 tháng 11 năm 1989; Trần Thị Hương L, sinh ngày 15 tháng 02 năm 1992. Hiện nay, các con chung đã thành niên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập đến.

[3]. Về tài sản chung: Bà K xác định không có, nên không đề cập đến.

[4]. Về nợ chung: Bà K xác định không có, nên không đề cập đến.

Ghi nhận bà K xác định vợ chồng không có nợ chung, nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu L pháp luật, nếu có nguyên đơn khởi kiện xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân thì bà K và ông L

vẫn phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

[5]. Về án phí: Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bà K phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ:

Các Điều 56, 57 Luật Hôn nhân và gia đình;

Các Điều 28, 35, 39, 228, 147, 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Mai Thị Ngọc K.

[1]. Bà Mai Thị Ngọc K được ly hôn với ông Trần Tấn L.

[2]. Về con chung: Bà K xác định vợ chồng có 03 (ba) con chung tên Trần Ngọc H, sinh ngày 05 tháng 9 năm 1987, Trần Văn T, sinh ngày 10 tháng 11 năm 1989; Trần Thị Hương L, sinh ngày 15 tháng 02 năm 1992. Hiện nay, con chung đã thành niên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập đến.

[3]. Về tài sản chung: Bà K xác định không có, nên không đề cập đến.

[4]. Về nợ chung: Bà K xác định không có, nên không đề cập đến.

[5]. Về án phí: Bà Mai Thị Ngọc K phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng đã nộp theo biên lai số 0014509 ngày 31/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện Chợ Mới;
- Các đương sự;
- Lưu./.

TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký tên và đóng dấu)

Lại Hiệp Phong